

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số 50/2024/DS-ST
Ngày 06/05/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga;
Ông Lương Văn Thoại.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2023/TLST-DS ngày 15/11/2023, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa ra xét xử số 19/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 03 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-DS ngày 12/04/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ngân hàng A (A1);

Trụ sở chính: Số A2, phố A3, phường A4, quận A5, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của A1 là:

Ông Hồ Hùng A6; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền của A1 là:

Bà Phạm Thị A7; chức vụ: Giám đốc xử lý nợ theo Quyết định ủy quyền số 0267/QĐ-HĐQT ngày 10/04/2023 của Chủ tịch HĐQT A1.

Người đại diện theo ủy quyền lại của A1 là:

1. Bà Lê Thị A8; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

2. Bà Nguyễn Thị A9; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

3. Bà Nguyễn Thị Thu A10; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng A11, Tòa nhà Văn phòng A1, số A12 A13, phường A14, quận A15, thành phố Hà Nội.

Theo văn bản ủy quyền số 629-03/2023/UQ-TCB ngày 19/07/2023 của bà Phạm Thị A7.

Bị đơn:

Ông Lê Mạnh B, sinh năm 1996;

ĐKHKT và nơi cư trú: Đội B1, thôn B2, xã B3, huyện K, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A (A1) là bà Lê Thị A8 và bà Nguyễn Thị Thu A10 có mặt; bị đơn là ông Lê Mạnh B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/07/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng A (A1) do người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Về quá trình giao kết, thực hiện các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ:

Ngày 08/02/2021, Ngân hàng A, Chi nhánh B4 cùng với ông Lê Mạnh B đã ký kết Hợp đồng tín dụng số TTC202112376/HDTD, với nội dung như sau: Số tiền vay: 1.338.367.496 đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại dự án Khu đô thị K căn số S1.02158A; thời hạn vay: 420 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên; lãi suất cho vay: Được quy định tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn kể từ thời điểm chuyển quá hạn; Lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả hoặc mức lãi suất chậm trả khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, Ngân hàng A, Chi nhánh B4 đã giải ngân cho anh Lê Mạnh B 2 lần, cụ thể:

- Ngày 22/02/2021, Ngân hàng A1 đã giải ngân lần thứ nhất cho ông Lê Mạnh B theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/01 với nội dung như sau: Số tiền nhận nợ: 1.171.071.559 đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại dự án Khu đô thị K căn số S1.02158A; thời hạn vay: 420 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 7,3%/năm đến hết ngày 30/09/2022; Lãi suất các kỳ sau điều chỉnh theo quy định từng thời kỳ của A1 và bằng Lãi suất cơ sở chuẩn dài hạn cộng (+) biên

độ 3,5 %/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu mà A1 đã quy định theo từng thời kỳ.

- Ngày 06/04/2021, Ngân hàng A1 tiếp tục giải ngân lần thứ hai cho ông Lê Mạnh B theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/02 với nội dung như sau: Số tiền nhận nợ: 167.295.937 đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại dự án Khu đô thị K căn số S1.02158A; thời hạn vay: 420 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 6,8%/năm đến hết ngày 30/03/2022; Lãi suất các kỳ sau điều chỉnh định kỳ 01 tháng một lần và bằng Lãi suất cơ sở chuẩn dài hạn cộng (+) biên độ 3,5 %/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu mà A1 đã quy định theo từng thời kỳ.

Ông Lê Mạnh B đã nhận đủ số tiền của hai lần giải ngân nói trên.

Ngày 24/09/2021, Ngân hàng A cùng với ông Lê Mạnh B đã ký kết Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân và bản Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại A1 (áp dụng cho khách hàng cá nhân). Ngân hàng đã chấp nhận, và cấp cho ông B 01 thẻ tín dụng có số tài khoản là 19736817370011, với hạn mức sử dụng là 45.000.000 đồng. Theo Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân và bản Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại A1 (áp dụng cho khách hàng cá nhân) thì khoản dư nợ thẻ hàng tháng sẽ được thanh toán cho Ngân hàng theo phương thức ghi nợ vào tài khoản thẻ tín dụng là 19736817370011 của ông Lê Mạnh B mở tại Ngân hàng vào ngày thanh toán định kỳ hàng tháng. Lãi suất và phí của khoản vay này được quy định trong Quyết định ban hành biểu phí và Thông báo lãi suất thẻ tín dụng do A1 công bố tại thời điểm có hiệu lực.

Thực hiện hợp đồng, ông Lê Mạnh B đã nhiều lần giao dịch rút và thanh toán tiền trong tài khoản thẻ tín dụng là 19736817370011 của ông Lê Mạnh B mở tại A1.

Theo quan điểm của chúng tôi: Hợp đồng tín dụng số TTC202112376/HDTD ngày 08/02/2021, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/01, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/02 và Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 24/09/2021 được giao kết giữa Ngân hàng A với ông Lê Mạnh B là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Lê Mạnh B đã trả được 32.877.616 đồng tiền nợ gốc và 193.531.045 đồng tiền nợ lãi, ngày 25/04/2023 là ngày trả nợ cuối cùng của ông Lê Mạnh B. Từ đó đến nay ông Lê Mạnh B không trả nữa. Ngân hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn theo quy định trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ. Tính đến ngày 13/03/2024, ông Lê Mạnh B còn nợ A1 theo hợp đồng tín dụng số TTC202112376/HDTD ngày 08/02/2021 là 1.541.224.358 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.305.489.880 đồng; nợ lãi là 235.734.478 đồng; phần dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 13/03/2024, ông Lê Mạnh B còn nợ là 65.020.635 đồng.

A1 đã nhiều lần làm việc và yêu cầu ông Lê Mạnh B thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho A1 nhưng đến thời điểm hiện nay, ông Lê Mạnh B vẫn không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho A1. Do đó, A1 đã quyết định thu hồi toàn bộ khoản nợ của ông Lê Mạnh B.

- Về hợp đồng thế chấp tài sản:

Giữa Ngân hàng A cùng với ông Lê Mạnh B chưa giao kết hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay nói trên của ông B tại A1. Do vậy, Ngân hàng A không có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong vụ án này.

- Về nơi cư trú của bị đơn:

Địa chỉ trú của ông Lê Mạnh B được ghi trong hợp đồng tín dụng là: Đội B1, thôn B2, xã B3, huyện K, thành phố Hà Nội.

Trong Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (không có tài sản bảo đảm) số TTD-01 ngày 24/09/2021, ông Lê Mạnh B có ghi địa chỉ sinh sống/địa chỉ liên lạc là: Số nhà B5 Khu đô thị B6, xã B7, huyện K, thành phố Hà Nội. Đây là địa chỉ do khách hàng tự ghi, không được kiểm chứng và theo chúng tôi được biết thì đây là cả một tòa nhà chứ không phải một số nhà cụ thể.

Cho đến nay chúng tôi chỉ biết có 01 địa chỉ để liên lạc với khách hàng Lê Mạnh B là: Đội 10, thôn B2, xã B3, huyện K, thành phố Hà Nội. Ngoài ra, chúng tôi không biết và cũng không được khách hàng thông báo địa chỉ cư trú hoặc liên lạc nào khác.

Nay A1 khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Lê Mạnh B phải thanh toán cho A1 số tiền tạm tính đến ngày 13/03/2024 theo Hợp đồng tín dụng số TTC202112376/HDTD ngày 08/02/2021; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/01 ngày 08/02/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/02 ngày 03/04/2021 là 1.541.224.358 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.305.489.880 đồng; nợ lãi là 235.734.478 đồng và nợ thẻ là 65.020.635 đồng;

- Buộc công Lê Mạnh B phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số TTC202112376/HDTD ngày 08/02/2021; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/01 ngày 08/02/2021; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/02 ngày 03/04/2021 và Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/09/2021 kể từ ngày 14/03/2024 cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ;

- Buộc ông Lê Mạnh B thanh toán cho A1 tiền phạt vi phạm hợp đồng với số tiền là 114.492.335 đồng theo quy định tại Điều 1 của Điều khoản, điều kiện chung về tín dụng tại Ngân hàng A (áp dụng cho khách hành cá nhân) đi kèm Hợp đồng tín dụng số TTC202112376/HDTD ngày 08/02/2021;

- Kể từ ngày Quyết định/ Bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lê Mạnh B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì A1 có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có quyền xác minh, kê biên các tài sản của ông Lê Mạnh B để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho A1;

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản của ông Lê Mạnh B được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Lê Mạnh B đối với A1. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ ông Lê Mạnh B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho A1.

Bị đơn là ông Lê Mạnh B vắng mặt tại nơi cư trú, đã được tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa để ông B biết những vấn đề cụ thể mà A1 yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập ông B đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, ông B không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do ông B không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên toà hôm nay,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi tiền số tiền phạt vi phạm hợp đồng tín dụng và số tiền phí chậm trả của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện còn lại, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Mạnh B phải trả cho A1 tổng số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số TTC202112376/HDTD ngày 08/02/2021; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/01 ngày 08/02/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/02 ngày 03/04/2021 tính đến hết ngày 06/05/2024 là 1.564.011.247 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.305.489.880 đồng; nợ lãi trong hạn là 233.402.701 đồng; nợ lãi quá hạn là 7.016.172 đồng; nợ lãi chậm trả là 18.102.494 đồng; buộc ông Lê Mạnh B phải trả A1 tổng số tiền nợ theo Đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 24/09/2021 tính đến hết ngày 10/04/2024 là 61.904.159 đồng, trong đó: Nợ gốc là 41.675.280 đồng và nợ lãi là 20.228.879 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đến ngày ông B thực tế thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn là ông Lê Mạnh B vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của A1 không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ, đưa ra yêu cầu mới và giữ nguyên lời khai ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Phía bị đơn chưa chấp hành tốt các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi tiền phạt vi phạm hợp đồng và phí chậm trả của A1; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Mạnh B phải trả A1 tổng số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số TTC202112376/HDTD ngày 08/02/2021; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/01 ngày 08/02/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/02 ngày 03/04/2021 tính đến hết ngày 06/05/2024 là 1.564.011.247 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.305.489.880 đồng; nợ lãi trong hạn là 233.402.701 đồng; nợ lãi quá hạn là 7.016.172 đồng; nợ lãi chậm trả là 18.102.494 đồng; buộc ông Lê Mạnh B phải trả A1 tổng số tiền nợ của Đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách

hành cá nhân ngày 24/09/2021 tính đến hết ngày 10/04/2024 là 61.904.159 đồng, trong đó: Nợ gốc là 41.675.280 đồng và nợ lãi là 20.228.879 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ nêu trên đến ngày ông B thực tế thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa và người tham gia tố tụng về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về yêu cầu khởi kiện, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối ông Lê Mạnh B có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn Đội B1, thôn B2, xã B3, huyện K, thành phố Hà Nội. Do vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng của đương sự:*

Bị đơn là ông Lê Mạnh B đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên áp dụng khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Mạnh B.

[1.3] *Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/07/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền phạt vi phạm hợp đồng tín dụng đã giao kết ngày 08/02/2021 là 114.492.335 đồng và tiền phí chậm trả của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 6.736.989 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của A1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi tiền phạt vi phạm hợp đồng tín dụng và tiền phí chậm trả của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đối với ông Lê Mạnh B. Xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên căn

cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút đơn và đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện đã rút của nguyên đơn.

[2] *Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[2.1] *Về nội dung và hiệu lực của Hợp đồng tín dụng:*

Ngày 08/02/2021, Ngân hàng A, Chi nhánh B4 cùng với ông Lê Mạnh B đã ký kết Hợp đồng tín dụng số TTC202112376/HDTD, với nội dung như sau: Số tiền vay: 1.338.367.496 đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại dự án Khu đô thị K căn số S1.02158A; thời hạn vay: 420 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên; lãi suất cho vay: Được quy định tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn kể từ thời điểm chuyển quá hạn; Lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả hoặc mức lãi suất chậm trả khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

Ngày 24/09/2021, ông Lê Mạnh B đã ký Đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân, với nội dung đề nghị Ngân hàng A cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng A1 Visa và được Ngân hàng duyệt hạn mức sử dụng thẻ là 45.000.000 đồng. Kèm theo Đề nghị là bản Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại A1 (áp dụng cho khách hàng cá nhân).

Xét các hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại các Điều 122, 401, 402, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Điều 7 và Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

[2.2] *Về yêu cầu đòi nợ gốc, nợ lãi và phạt chậm trả lãi của nguyên đơn:*

[2.2.1] *Về yêu cầu đòi nợ gốc:*

Thực hiện hợp đồng tín dụng nói trên, ngày 22/02/2021, A1 đã giải ngân cho ông Lê Mạnh B số tiền 1.171.071.559 đồng thông qua Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số TTC202112376/01 ngày 08/02/2021 và ngày 06/04/2021, A1 tiếp tục giải ngân cho ông Lê Mạnh B số tiền 167.295.937 đồng thông qua Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số TTC202112376/02 ngày 03/04/2021. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B chưa trả đủ tiền gốc và lãi phát sinh tiếp theo nên đã vi phạm Điều 3 của Hợp đồng tín dụng và Điều 8 của Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ. Tính đến hết ngày 06/05/2024, ông B đã trả số nợ gốc là

32.877.616 đồng chưa trả số nợ gốc là 1.305.489.880 đồng. Xét yêu cầu đòi nợ gốc của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; phía bị đơn không có ý kiến phản đối nên Tòa án buộc ông B thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số TTC202112376/HDTD ngày 08/02/2021, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/01 ngày 08/02/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/02 ngày 03/04/2021 là 1.305.489.880 đồng.

Thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/09/2021, Ngân hàng đã phát hành Thẻ tín dụng A1 Visa cho chủ thẻ là Lê Mạnh B, với hạn mức là 45.000.000 đồng. Sau đó, ông B đã thực hiện nhiều giao dịch rút tiền và thanh toán qua số tài khoản 19736817370011 của Thẻ tín dụng này. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B chưa trả đủ tiền gốc và lãi phát sinh tiếp theo nên đã vi phạm Điều 8 Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại A1 (áp dụng cho khách hàng cá nhân) nên Ngân hàng đã khóa và chấm dứt việc sử dụng thẻ của chủ thẻ. Từ ngày 01/03/2023, Ngân hàng tính lãi đối với khoản vay này. Tính đến nay, ông B chưa trả số nợ gốc còn lại là 41.675.280 đồng. Xét yêu cầu đòi nợ gốc của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; phía bị không có ý kiến phản đối nên Tòa án buộc ông B thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/09/2021 là 41.675.280 đồng.

[2.2.2] Về yêu cầu đòi nợ lãi của nguyên đơn:

Nay Ngân hàng yêu cầu ông B trả số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả tính đến ngày 06/05/2024 của Hợp đồng tín dụng số TTC202112376/HDTD ngày 08/02/2021, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/01 ngày 08/02/2021, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/02 ngày 03/04/2021 là 258.521.367 đồng; và yêu cầu ông B trả số tiền lãi tính đến ngày 10/04/2024 của Đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 24/09/2021 là 20.228.879 đồng. Tòa án đã kiểm tra, xác định Ngân hàng tính số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, Quyết định ban hành lãi suất, Quyết định ban hành biểu phí và Thông báo lãi suất thẻ tín dụng. Phía bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của Ngân hàng. Do vậy, căn cứ vào Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông B phải trả số tiền lãi tính đến ngày 06/05/2024 của hợp đồng tín dụng nói trên là 258.521.367 đồng và buộc ông B phải trả số tiền lãi tính đến ngày 10/04/2024 của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nói trên là 20.228.879 đồng.

Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 13, 14, 18, 20 và Điều 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử buộc:

- Ông B phải trả nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số TTC202112376/HDTD ngày 08/02/2021, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/01 ngày 08/02/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/02 ngày 03/04/2021 cho A1 tạm tính đến hết ngày 06/05/2024 là 1.564.011.247 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.305.489.880 đồng; nợ lãi trong hạn là 233.402.701 đồng; nợ lãi quá hạn là 7.016.172 đồng; nợ lãi chậm trả là 18.102.494 đồng;

- Ông B phải trả nợ gốc và nợ lãi theo Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 24/09/2021 cho A1 tạm tính đến hết ngày 10/04/2024 là 61.904.159 đồng, trong đó: Nợ gốc là 41.675.280 đồng và nợ lãi là 20.228.879 đồng;

Kể từ ngày 07/05/2024 và ngày 11/04/2024, ông B còn phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, bản Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại A1 (áp dụng cho khách hàng cá nhân) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[3] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 117, 119, 398, 401 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 29/09/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A (A1) đối với ông Lê Mạnh B.

2.1 Buộc ông Lê Mạnh B phải trả cho Ngân hàng A (A1) số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số TTC202112376/HDTD ngày 08/02/2021, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/01 ngày 08/02/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số TTC202112376/02 ngày 03/04/2021, tạm tính đến hết ngày 06/05/2024 là 1.564.011.247 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.305.489.880 đồng; nợ lãi trong hạn là 233.402.701 đồng; nợ lãi quá hạn là 7.016.172 đồng; nợ lãi chậm trả là 18.102.494 đồng. Kể từ ngày 07/05/2024, ông Lê Mạnh B còn phải tiếp tục thanh toán cho A1 các khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2.2 Buộc ông Lê Mạnh B phải trả cho Ngân hàng A (A1) số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 24/09/2021, tạm tính đến hết ngày 10/04/2024 là 61.904.159 đồng, trong đó: Nợ gốc là 41.675.280 đồng và nợ lãi là 20.228.879 đồng. Kể từ ngày 11/04/2024, ông B còn phải tiếp tục thanh toán cho A1 các khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân và bản Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại A1 (áp dụng cho khách hàng cá nhân) đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và bản Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại A1

(áp dụng cho khách hàng cá nhân), các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Đình chỉ việc giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đã rút về việc đòi ông Lê Mạnh B trả số tiền phạt vi phạm Hợp đồng tín dụng số TTC202112376/HDTD ngày 08/02/2021.

4. Đình chỉ việc giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đã rút về việc đòi ông Lê Mạnh B trả tiền phí chậm trả theo Đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 24/09/2021.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Hoàn trả Ngân hàng A 29.184.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003797 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hà Nội.

4.2 Buộc ông Lê Mạnh B phải nộp 60.777.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm; đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn là ông Lê Mạnh B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Trọng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA